

# Hành động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở ở Việt Nam

**Phan Trọng Ngo**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  
136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Email: ngotamly@gmail.com

**TÓM TẮT:** Bài báo đề cập tới các hành động xã hội trong giao tiếp, ứng xử của học sinh với tư cách là thành phần của trí tuệ xã hội của các em. Nghiên cứu đã xác định được các mức độ hành động xã hội của 1128 học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 của 10 trường trung học cơ sở thuộc 5 tỉnh/ thành phố ở Việt Nam. Đồng thời, xác định được các mô hình có tính dự báo tác động của các yếu tố phong cách giao tiếp, xu hướng giao tiếp và khí chất của học sinh cũng như sự học tập giao tiếp từ người khác đến hành động xã hội của các em. Những mô hình có tính dự báo được phát hiện trong nghiên cứu là gợi ý hữu ích cho các bậc cha mẹ, giáo viên và học sinh trong việc nâng trí tuệ xã hội thông qua việc tăng cường hành động xã hội trong việc thiết lập các quan hệ xã hội tích cực, trong giao tiếp và ứng xử của học sinh.

**TỪ KHÓA:** Trí tuệ xã hội; hành động xã hội; giao tiếp; phong cách giao tiếp; xu hướng giao tiếp; khí chất; tuổi học sinh trung học cơ sở.

→ Nhận bài 15/4/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/5/2020 → Duyệt đăng 15/6/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Hành động xã hội trong giao tiếp - một thành phần quan trọng của trí tuệ xã hội, là các hành động thích ứng với người khác; Là tác động, ảnh hưởng đến người khác; Duy trì chuỗi tương tác giữa người - người trong quan hệ (Guilford, 1969); Là hành động tiếp xúc nhịp nhàng giữa cá nhân với người khác; Hành động thể hiện bản thân một cách ấn tượng, bằng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; Thể hiện sự tự tôn, sự hấp dẫn, cuốn hút, truyền cảm hứng, lây lan cảm xúc; Đồng thời biết kìm nén, che giấu các cảm xúc bất lợi; Hành động gây tác động, ảnh hưởng bằng uy tín, vị thế, quyền lực; Hành động thể hiện sự quan tâm, lo lắng, chia sẻ, nhường nhịn, luôn sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ người khác (Goleman, 2006; Albrecht, 2006). Nhiều nhà nghiên cứu còn nhấn mạnh hành động thấu cảm và chia sẻ (Albrecht, 2006; Lisa Garr, 2015), hợp tác, khuyến khích, thể hiện sự chân thành, trung thực, quan tâm, tôn trọng đối tượng trong giao tiếp (Buzan, 2002; Armstrong, 2010). Có thể khái quát thành các nhóm năng lực (NL) hành động xã hội: NL thể hiện bản thân; Hành động tác động đến người khác; hành động hợp tác, khuyến khích người khác; hành động thấu cảm, duy trì, kiểm soát và điều chỉnh bản thân trong giao tiếp, ứng xử xã hội và hành động thiết lập, duy trì và phát triển các quan hệ xã hội tích cực. Ở Việt Nam, đã có một số nghiên cứu về hành động xã hội dưới góc độ hành động ủng hộ xã hội như Lê Văn Hào (2015), nghiên cứu về hành vi ủng hộ xã hội; Nguyễn Văn Lược - Trương Quang Lâm (2017), về kĩ năng xã hội của trẻ vị thành niên nông thôn; Nguyễn Tuấn Anh (2017) về “Mối quan hệ giữa đồng cảm và hành vi ủng hộ xã hội ở sinh viên”; Đỗ Ngọc Khanh (2017), về sự thấu cảm và hành

vi ủng hộ xã hội ở thanh niên. Nhìn chung, còn ít công trình nghiên cứu về hành động xã hội với tư cách là thành phần của trí tuệ xã hội được thể hiện trong thiết lập quan hệ, giao tiếp và ứng xử của học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS). Nghiên cứu này nhằm bổ sung dữ liệu về lĩnh vực trên trong trí tuệ xã hội của HS THCS ở Việt Nam. **Bài báo là sản phẩm của đề tài “Nghiên cứu trí tuệ xã hội của HS THCS đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông mới”, mã số: B 2019-SPH-07 do PGS. TS Phan Trọng Ngo là chủ nhiệm.**

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Thiết kế thang đo

Thang đo được thiết kế dưới dạng tự đánh giá về hành động xã hội và các yếu tố liên quan đến hành động xã hội trong giao tiếp, ứng xử của HS và các yếu tố liên quan. Cấu trúc của thang đo gồm 104 items, được soạn thảo theo các chủ đề: 1/ *Hành động xã hội trong giao tiếp*: 25 items, với 5 nhóm hành động (mỗi nhóm 5 items); 2/ *Phong cách giao tiếp của HS*: 25 items, ứng với 5 phong cách điển hình: Phong cách độc đoán; dân chủ và tự do; phong cách hướng đến con người và phong cách hướng đến công việc; 3/ *Xu hướng giao tiếp*: 20 items, ứng với 4 xu hướng: Hướng đến lợi ích bản thân và hướng đến người khác; xu hướng hướng nội và hướng ngoại. Mỗi loại xu hướng 5 items; 4/ *Khí chất*: 20 items, với 4 loại khí chất phổ biến: Nóng nảy, bình thản, linh hoạt và ưu tư; 5/ *Tác động của học tập giao tiếp từ người khác*: 7 items và sự tác động của các yếu tố đến hành động xã hội trong giao tiếp của cá nhân: 7 items. Các items và của toàn thang đo sử dụng thang điểm Likert với 5 mức độ:

mức 1 - mức thấp nhất (trung ứng 1 điểm) và cao nhất; mức 5 (5 điểm). Giữa mức 1 và mức 5 là các mức trung gian: mức 2 (2 điểm); mức 3 (3 điểm) và mức 4 (4 điểm).

**Kiểm định độ tin cậy của thang đo:** Chủ đề có hệ số Crobach's Alpha thấp nhất là 0.894 và cao nhất là 0.907. Hệ số Crobach's Alpha của toàn thang đo là 0.903. Điều này cho thấy, các items của thang cũng như toàn thang đo đảm bảo độ tin cậy khoa học.

**2.1.2. Phân tích nhân tố**

**KMO and Bartlett's Test**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.899
	Approx. Chi-Square	24466.759
Bartlett's Test of Sphericity	df	5253
	Sig.	.000

Hệ số KMO = 0.899 > 0.5: Phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả kiểm định Bartlett's là 24466.759 với mức ý nghĩa sig = 0.000 < 0.05, chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp.

**2.1.3. Cơ mẫu và đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu**

Tổng số HS được khảo sát là 1158 em. Sau khi loại trừ những HS (phiếu khảo sát) không đủ thông tin theo yêu cầu nghiên cứu còn 1147 HS từ 11- 12 tuổi đến 15 tuổi, được chọn từ lớp 6 đến lớp 9 của 10 trường THCS, trên địa bàn đô thị (5 trường) và nông thôn (5 trường) của 5 địa phương đại diện cho cả nước (Mỗi tỉnh/thành phố 2 trường): Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Dương, Thanh Hoá và Hà Tĩnh. Đặc điểm nhân khẩu học của nhóm mẫu khảo sát phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Về về tỉ lệ giới tính (Nam 48,1%; Nữ: 51,83%); Địa bàn sinh sống: Đô thị: 46.72%; Nông thôn: 53,28%. Khối lớp 6: 22,87%; Lớp 7: 26,34%; Lớp 8: 25,53% và Lớp 9: 25,35%. Theo thứ tự con trong gia đình: Con đầu/ con 1: 53,90%; con thứ/con út: 46.10%. Tham gia công tác tập thể (lớp trưởng, lớp phó, chi đội trưởng, chi đội phó, tổ trưởng): 23.4%, không tham gia: 76.6%. Thành tích học tập năm trước: Mức giỏi (Theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo): 65%%; Mức khá: 27.92%; Mức trung bình và yếu: 7.08%. Tỉ lệ về thành tích học tập phù hợp với thực tiễn giáo dục ở Việt Nam những năm gần đây, với xu thế coi trọng thành tích của HS.

**2.1.4. Phân tích dữ liệu và phương pháp thống kê**

Mức độ hành động xã hội trong giao tiếp của HS và các yếu tố có liên quan được xác định theo hai tham số: 1/ Trung bình điểm, độ lệch trung bình điểm, điểm thấp nhất, điểm cao nhất và điểm trung vị (theo thang 5 điểm); 2/ Tỉ lệ % mức độ hành động xã hội, phong cách giao

tiếp, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp của các nhóm mẫu. Kết quả được xử lí bằng phần mềm SPSS 20.0.

**2.2. Kết quả nghiên cứu**

**2.2.1. Mô tả kết quả khảo sát về hành động xã hội trong giao tiếp của học sinh**

*a. Hành động xã hội trong giao tiếp và phong cách, xu hướng, khí chất, học tập giao tiếp của HS (xem Bảng 1)*

Trung bình điểm chung về hành động xã hội của cả nhóm HS được khảo sát đạt 3.24/ 5 điểm, Độ lệch chuẩn 0.49; Điểm trung vị: 3.24 điểm. Như vậy, hành động xã hội trong giao tiếp của HS ở mức trung bình trên và lệch bên phải của thang đánh giá (5 bậc). Xét từng lĩnh vực hành động: Cao nhất là trung bình điểm các hành động duy trì và phát triển mối quan hệ tích cực (Mean= 3.38 điểm); Tiếp đến là hành động hợp tác, chia sẻ, khuyến khích đối tượng (Mean= 3.34 điểm); Thứ ba là hành động thấu cảm, kiểm soát và điều chỉnh bản thân trong giao tiếp (Mean= 3.30); Thứ tư là hành động thể hiện bản thân trong giao tiếp (Mean= 3.26). Cuối cùng, trung bình điểm thấp là tác động đến người khác trong giao tiếp (Mean= 2.93).

Về phong cách giao tiếp của HS: Phong cách rõ nhất là dân chủ (Mean = 3.54 điểm), tiếp đến là phong cách tự do (Mean = 3.18 điểm), cuối cùng là phong cách độc đoán (2.09 < 2, 5 điểm/5). Theo phương diện khác, phong cách hướng đến con người trong giao tiếp có trung bình điểm cao hơn so với phong cách hướng đến công việc (Mean = 3.35 điểm và Mean = 3.22 điểm). Về khí chất, hai loại khí chất có trung bình điểm cao là bình thản (Mean = 3.34) và linh hoạt (Mean = 3.25), tiếp đến là khí chất ưu tư (Mean = 3.13 ), còn khí chất nóng nảy có trung bình điểm thấp nhất (Mean = 2.43; Median = 2.40). Có khoảng cách khá xa giữa trung bình điểm về xu hướng hướng đến người khác với xu hướng hướng đến lợi ích bản thân trong giao tiếp của HS (Mean = 3.29 và Mean = 2.89). Xu hướng hướng nội cao hơn hướng ngoại (Mean = 3.11 và Mean = 2.36). Trung bình điểm đánh giá về học tập giao tiếp từ người khác của HS và ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh đến hành động xã hội cũng khá cao (Mean = 3.29 và Mean = 3.17).

*b. Hành động xã hội của các nhóm đối tượng theo các tham số về giới tính, địa bàn cư trú, mức độ tham gia hoạt động trong lớp, theo khối lớp, theo kết quả học tập và rèn luyện (xem Bảng 2)*

Số HS có hành động xã hội ở mức thấp nhất (mức 1), có tỉ lệ rất nhỏ: 2.59%. Ở mức 2 có nhiều hơn: (12.21%). Nếu gộp cả hai mức 1 và 2 thành nhóm có hành động xã hội thấp, tỉ lệ 14.80%. HS có hành động mức trung bình chiếm 69.40 %. Mức tương đối cao (Mức 4) có 13.51%. Mức rất cao (mức 5) có 2.35%. Nếu gộp cả 2 mức 4 và 5 thành mức cao có 15.66 %.

**Bảng 1: Mô tả về hành động xã hội trong giao tiếp, phong cách, khí chất, xu hướng và học tập giao tiếp từ người khác của HS được khảo sát**

Yếu tố		Mean	SD	min	Max	Median
Trung bình điểm chung của hành động xã hội		3.24	0.49	1.56	4.96	3.24
Hành động thể hiện bản thân trong giao tiếp		3.26	0.64	1.00	5.00	3.20
Tác động của bản thân đến đối tượng giao tiếp		2.93	0.66	1.00	5.00	3.00
Hành động hợp tác, khuyến khích đối tượng trong giao tiếp		3.34	0.65	1.40	5.00	3.40
Kiểm soát và điều chỉnh bản thân trong giao tiếp		3.30	0.59	1.00	5.00	3.40
Duy trì, phát triển các quan hệ xã hội		3.38	0.65	1.20	5.00	3.40
Phong cách giao tiếp	Phong cách độc đoán	2.09	0.51	1.00	3.80	2.20
	Phong cách dân chủ	3.54	0.67	1.20	5.00	3.60
	Phong cách tự do	3.18	0.55	1.40	5.00	3.20
	Phong cách hướng đến công việc	3.22	0.57	1.40	5.00	3.20
	Phong cách hướng đến con người	3.35	0.63	1.00	5.00	3.40
Khí chất	Khí chất Nóng nảy	2.43	0.45	1.00	4.40	2.40
	Linh hoạt	3.25	0.67	1.00	5.00	3.20
	Ưu tư	3.13	0.80	1.00	5.00	3.20
	Bình thản	3.34	0.63	1.00	5.00	3.40
Xu hướng giao tiếp	Hướng đến người khác trong quan hệ	3.29	0.49	1.40	4.80	3.20
	Hướng đến lợi ích bản thân	2.89	0.66	1.00	4.80	3.00
	Hướng ngoại	2.36	0.46	1.00	4.00	2.40
	Hướng nội	3.11	0.67	1.00	5.00	3.20
Học tập giao tiếp từ người khác		3.29	0.61	1.43	5.00	3.29
Yếu tố tác động		3.17	0.61	1.17	5.00	3.17

**Bảng 2: Mức độ hành động xã hội trong giao tiếp của HS theo các nhóm đối tượng**

		Min-2SD		-2SD - (-1SD)		(-1SD - (1SD)		(1SD - (2SD)		2SD-Max		Tổng
		1.56-2.26		2.261 - 2.75		2.751 - 3.73		3.731 - 4.22		4.221 - 4.96		
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
Mức độ hành động		29	2.53	140	12.21	796	69.40	155	13.51	27	2.35	1147
Giới tính	Nam	19	3.45	76	13.82	381	69.27	64	11.64	10	1.82	550
	Nữ	10	1.68	64	10.72	415	69.51	91	15.24	17	2.85	597
Sinh sống	Nông thôn	14	2.24	71	11.36	441	70.56	83	13.28	16	2.56	625
	Thành Thị	15	2.87	69	13.22	355	68.01	72	13.79	11	2.11	522
Tham gia công tác	Có	7	2.69	24	9.23	164	63.08	57	21.92	8	3.08	260
	Không	22	2.48	116	13.08	632	71.25	98	11.05	19	2.14	887
Lớp	6	9	3.42	46	17.49	170	64.64	33	12.55	5	1.90	263
	7	11	3.67	42	14.00	207	69.00	36	12.00	4	1.33	300
	8	6	2.28	30	11.41	181	68.82	39	14.83	7	2.66	263
	9	3	0.93	22	6.85	238	74.14	47	14.64	11	3.43	321
Thứ tự sinh	Con đầu	11	1.78	72	11.65	446	72.17	72	11.65	17	2.75	618
	Con thứ	18	3.40	68	12.85	350	66.16	83	15.69	10	1.89	529

		Min-2SD		-2SD- (-1SD)		(-1SD- (1SD)		(1SD - (2SD)		2SD-Max		Tổng
		1.56-2.26		2.261 - 2.75		2.751 - 3.73		3.731 - 4.22		4.221 - 4.96		
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
Học tập	Giỏi	18	2.14	83	11.13	507	67.96	116	15.55	22	2.95	746
	Khá	4	1.23	40	12.31	245	75.38	33	10.15	3	0.92	325
	Trung bình/yếu	7	9.21	17	22.37	44	57.89	6	7.89	2	2.63	76
Rèn luyện	Tốt	24	2.40	116	11.59	696	69.53	142	14.19	23	2.30	1001
	Khá	5	3.94	17	13.39	88	69.29	13	10.24	4	3.15	127
	Trung bình/ kém	0	0	7	36.84	12	63.16	0	0	0	0	19

Xét theo giới tính, tỉ lệ HS nam có hành động xã hội ở mức 1 và 2 là 17.27%, còn ở nữ sinh là 12.40%, ở mức 4 và 5, HS nam là 13.46%, còn ở HS nữ 18.09%. HS ở nông thôn có hành động xã hội ở mức 1 và 2 là 13.60%, ở mức 4 và 5 là 15,84%. Các tỉ lệ tương ứng ở HS ở đô thị là 16.09% và 15.90%. Xét theo mức độ tham gia/ không tham gia các công việc của tập thể lớp, số HS có tham gia có hành động xã hội ở mức 1 và 2 là 11.92%, ở mức 4 và 5 là 24.00%. Trong khi đó, ở HS không tham gia, tỉ lệ tương ứng là: 15.56% và 13.9%. Theo khối lớp, HS lớp 6 có 20.91% ở mức 1 và 2; ở mức 4 và 5 có 14.45%. HS lớp 7, ở mức 1 và 2 có 17.67%, ở mức 4 và 5 có 13.33%. HS lớp 8, ở mức 1 và 2 có 13.69%, ở mức 4 và 5 có 17.49% còn HS lớp 9, ở mức 1 và 2 có 7.78%, ở mức 4 và 5 có 18.07%. HS là con đầu hoặc con một, ở mức 1 và 2 có 13.43%, ở mức 4 và 5 có 14.40%, còn nhóm HS là con thứ, ở mức 1 và 2 có 16.25%, ở mức 4 và 5 có 17.58%. HS có điểm học tập/rèn luyện loại giỏi/tốt có hành động xã hội ở mức 1 và 2 là 13.27% và 13.99%; ở mức 4 và 5 có tỉ lệ là 18.50% và 16.49%. HS học và rèn luyện mức khá, có hành động xã hội ở mức 1 và 2 là 13.54% và 17.33%; ở mức 4 và 5 có 11.07% và 13.39%. HS học/ rèn luyện trung bình/ yếu có hành động xã hội ở mức 1 và 2 là 31.58% và 36.84; ở mức 4 và 5 có 10.52% và 0.0%.

**2.2.2. Sự khác biệt về trung bình điểm hành động xã hội của học sinh theo các yếu tố so sánh**

Kết quả kiểm định sự khác biệt về trung bình điểm hành động xã hội giữa các yếu tố được thể hiện trong Bảng 3.

Trung bình điểm hành động xã hội của HS nam thấp hơn của HS nữ (-0.14 điểm) nhưng không có ý nghĩa thống kê (p= 0.59), tức là hành động xã hội trong giao tiếp, ứng xử của HS nam và nữ gần tương đương nhau. Điểm hành động xã hội của HS nông thôn và của HS đô thị cũng tương đương nhau (p=0.89). Hành động xã hội của HS tham gia hoạt động tập thể cao hơn có ý nghĩa thống kê so với HS không tham gia (Mean= 0.04, p= 0.002). Hành động xã hội của HS lớp 7 thấp hơn chút

ít so với HS lớp 6 nhưng không có ý nghĩa thống kê (Mean= -0.06, p= 0.50). Trung bình điểm hành động xã hội của HS lớp 8 cao hơn của HS lớp 6, nhưng không có ý nghĩa thống kê (Mean = 0.06, p = 0.47), còn của HS lớp 9 cao hơn của HS lớp 6 có ý nghĩa thống kê (Mean = 0.12, p = 0.026). Trung bình điểm về hành động xã hội của HS là con đầu hay con 1 cao hơn chút ít so với của HS là con thứ trong gia đình nhưng không có ý nghĩa thống kê (Mean= 0.04, p= 0.74). Dưới góc độ học tập và rèn luyện, trung bình điểm hành động xã hội của nhóm HS có điểm học tập/rèn luyện khá và trung bình/yếu thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với HS nhóm học tập/ rèn luyện giỏi.

**2.2.3. Tương quan giữa hành động xã hội trong giao tiếp của học sinh với các yếu tố phong cách, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp của học sinh**

Có tương quan đồng biến ở mức vừa giữa trung bình điểm hành động xã hội với các phong cách hướng đến con người (R= 0.65; B= 0.51; p= 0.00); dân chủ (R= 0.64; B= 0.468; p= 0.00) và phong cách hướng đến công việc (R= 0.516; B = 0.451; p= 0.00), có tương quan thuận yếu với phong cách tự do (R= 0.471; B= 0.422; p= 0.00) (xem Bảng 4). Hành động xã hội cũng có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê với phong cách độc đoán, nhưng rất yếu (R= 0.06; B= 0.058; P= 0.040).

Trung bình điểm hành động xã hội có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê, ở mức vừa với xu hướng hướng đến người khác (R= 0.598; B= 0.612; p= 0.00) và với xu hướng hướng nội (R= 0.541; B= 0.397; p= 0.00); tương quan thuận, nhưng ở mức yếu với xu hướng hướng đến lợi ích bản thân (R= 0.364; B= 0.275; p= 0.00) và xu hướng ngoại (R= 0.211; B= 0.228; p= 0.00). Về khí chất, trung bình điểm hành động xã hội tương quan đồng biến ở mức vừa với khí chất linh hoạt (R= 0.533; B= 0.393; p= 0.00); tương quan ở mức yếu với các loại khí chất bình thản (R= 0.465; B= 0.366; p= 0.00) và ưu tư (R= 0.263; B= 0.162; p= 0.00). Có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê, nhưng rất yếu với khí chất nóng nảy (R= 0.121; B= 0.132; p= 0.00). Trung bình điểm hành động



**Bảng 3: Kiểm định sự khác biệt về trung bình điểm hành động xã hội của HS theo các yếu tố so sánh**

TT	Yếu tố	N	Mean	SD	Difference					
					Mean	SE	95%CI	P		
1	Giới tính*	Nam	550	3.48	0.52	-0.14	0.029	-0.20	-0.086	0.059
		Nữ	597	3.62	0.48					
2	Sinh Sống*	Nông thôn	625	3.56	0.51	0.006	0.03	-0.05	0.06	0.89
		Thành Thị	522	3.55	0.50					
3	Tham gia công tác*	Có	260	3.59	0.54	0.04	0.035	-0.025	0.11	0.002
		Không	887	3.54	0.49					
4	Lớp**	6	263	3.52	0.53	-	-	-	-	-
		7	300	3.46	0.52	-0.06	0.04	-0.17	0.05	0.50
		8	263	3.58	0.49	0.06	0.04	-0.05	0.17	0.47
		9	321	3.64	0.44	0.12*	0.04	0.01	0.23	0.026
5	Thứ tự sinh*	Con đầu	618	3.57	0.50	0.04	0.03	-0.018	0.099	0.704
		Con thứ/ con út	529	3.53	0.50					
6	Học Tập**	Giỏi	746	3.60	0.49	-	-	-	-	-
		Khá	325	3.51	0.46	-0.10*	0.03	-0.17	-0.02	0.008
		Trung bình/yếu	76	3.26	0.60	-0.34*	0.06	-0.48	-0.20	0.000
7	Rèn luyện**	Tốt	1001	3.58	0.49	-	-	-	-	-
		Khá	127	3.39	0.52	-0.19*	0.05	-0.30	-0.08	0.000
		Trung bình/ kém	19	3.18	0.47	-0.40*	0.13	-0.71	-0.10	0.005

(Kiểm định independent T test; \*\* kiểm định Anova)

**Bảng 4: Mối tương quan giữa mức độ hành động xã hội trong giao tiếp với các yếu tố phong cách, xu hướng, khí chất và học tập giao tiếp của HS**

Yếu tố	R	R <sup>2</sup>	B	SE of B	p
Phong cách độc đoán	0.06	0.004	0.058	0.028	0.040
Phong cách dân chủ	0.64	0.404	0.468	0.017	0.000
Phong cách tự do	0.471	0.221	0.422	0.023	0.000
Phong cách hướng đến công việc	0.516	0.266	0.451	0.022	0.000
Phong cách hướng đến con người	0.65	0.42	0.51	0.018	0.000
Xu hướng hướng đến người khác	0.598	0.358	0.612	0.024	0.000
Xu hướng hướng tới lợi ích bản thân	0.364	0.133	0.275	0.021	0.000
Xu hướng hướng ngoại	0.211	0.045	0.228	0.031	0.000
Xu hướng hướng nội	0.541	0.293	0.397	0.018	0.000
Khí chất nóng nảy	0.121	0.015	0.132	0.032	0.000
Linh hoạt	0.533	0.285	0.393	0.018	0.000
Ưu tư	0.263	0.069	0.162	0.018	0.000
Bình thản	0.465	0.216	0.366	0.021	0.000
Học tập, ảnh hưởng	0.526	0.277	0.432	0.021	0.000
Yếu tố tác động	0.453	0.205	0.368	0.022	0.000

**Bảng 5: Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến các yếu tố liên quan tới hành động xã hội trong giao tiếp của HS**

TT	Yếu tố	B	SE	95%CI of B		p	
				Lower Bound	Upper Bound		
1	Lớp	6					
		7	0.008	0.004	0.007	0.014	0.003
		8	0.014	0.006	0.005	0.018	0.012
		9	0.021	0.008	0.006	0.036	0.006
2	Tham gia công tác	0.011	0.019	-0.026	0.048	0.560	
3	Học tập	Giỏi					
		Khá	-0.018	0.010	-0.034	-0.003	0.002
		Trung bình/yếu	-0.032	0.013	-0.058	-0.007	0.014
4	Phong cách độc đoán	-0.062	0.018	-0.097	-0.027	0.001	
5	Phong cách dân chủ	0.209	0.016	0.177	0.241	0.000	
6	Phong cách tự do	0.023	0.017	-0.010	0.055	0.177	
7	Phong cách hướng đến công việc	0.098	0.017	0.065	0.131	0.000	
8	Phong cách hướng đến con người	0.183	0.017	0.150	0.217	0.000	
9	Xu hướng hướng đến người khác	0.134	0.021	0.093	0.175	0.000	
10	Xu hướng hướng tới lợi ích bản thân	0.010	0.014	-0.017	0.038	0.463	
11	Xu hướng hướng ngoại	-0.044	0.019	-0.080	-0.007	0.020	
12	Xu hướng hướng nội	0.042	0.015	0.013	0.071	0.005	
13	Khí chất Nóng nảy	-0.015	0.019	-0.052	0.021	0.407	
14	Linh hoạt	0.077	0.014	0.050	0.108	0.000	
15	Ưu tư	0.008	0.012	-0.015	0.030	0.505	
16	Bình thân	0.079	0.015	0.018	0.077	0.001	
17	Học tập, ảnh hưởng	0.138	0.016	0.105	0.170	0.000	

( $R=0.859$ ;  $R_2 =0.738$ ;  $R_2 adjust = 0.734$ ;  $F = 176.414$ ;  $Panova < 0.001$ ;  $B_0 = 0.432$ )

xã hội có tương quan đồng biến có ý nghĩa thống kê ở mức vừa với trung bình điểm học tập giao tiếp từ người khác ( $R= 0.526$ ;  $B= 0.432$ ;  $p= 0.00$ ).

**2.2.4. Tương quan hồi quy đa biến các yếu tố liên quan tới hành động xã hội của học sinh**

Kết quả của các mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được trình bày ở Bảng 5. Mô hình giải thích được 73.4% sự biến thiên của hành động xã hội trong mỗi tương quan với các yếu tố. Có mỗi tương quan hồi quy thuận, có ý nghĩa thống kê giữa HS lớp các lớp 7,8, 9 với hành động xã hội theo xu hướng HS càng ở các lớp cao thì hành động xã hội trong giao tiếp càng tăng so với các lớp dưới. Tuy nhiên, sự tác động này không lớn. Phong cách dân chủ có tương quan cao nhất: 0.219 [95% CI 0.1181 - 0.256]; tiếp đến là phong cách hướng đến con người 0.128 [95% CI 0.106 - 0.183]; cuối cùng là phong cách hướng đến công việc 0.111 [95% CI 0.076 - 0.152]. Phong cách độc đoán dự báo có tác động ngược tới hành động xã hội,

nhưng *rất yếu* - 0.049 [95% CI -0.090 - (- 0.009)]. Các mô hình về xu hướng hướng đến người khác và hướng nội có tác động thuận đến hành động xã hội trong giao tiếp của HS 0.131 [95% CI 0.084- 0.179] và 0.084 [95% CI 0.046- 0.114]. Trong khi đó, xu hướng hướng ngoại có tương quan hồi quy ngược, tuy nhiên, tính dự báo rất yếu -0.044 [95% CI -0.080- (- 0.007)]. Hai loại khí chất là bình thân và linh hoạt có tương quan hồi quy thuận với hành động xã hội 0.079 [95% CI 0.018- 0.077] và 0.077 [95% CI 0.050- 0.108]. Việc học tập giao tiếp từ người khác cũng có tương quan hồi quy thuận với hành động xã hội của HS 0.138 [95% CI 0.105 - 0.170].

**2.2.5. Thảo luận**

Việc khảo sát về hành động xã hội trong giao tiếp trên số lượng 1147 HS từ lớp 6 đến lớp 9 thuộc 10 trường THCS của 5 tỉnh/ thành ở Việt Nam cho kết quả hành động xã hội của HS được khảo sát đạt mức trên trung bình theo thang đánh giá 5 bậc. Trong đó, 14.80% có

hành động xã hội ở mức thấp (mức 1 và 2), 69.54 % mức trung bình và 15.66 % ở mức cao (mức 4 và 5). Hành động duy trì và phát triển các quan hệ với người khác tốt hơn các hành động khác, tiếp đến là hành động hợp tác, chia sẻ, khuyến khích đối tượng giao tiếp. Hành động tác động, gây ảnh hưởng đến người khác trong giao tiếp là hạn chế so với các loại hành động khác. Đây có thể là đặc điểm của lứa tuổi thiếu niên. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về hành động xã hội theo thứ tự sinh của HS trong gia đình. HS có điểm học giỏi có hành động xã hội trong giao tiếp cao hơn các nhóm HS khác.

Có mối tương quan hồi quy thuận, có ý nghĩa thống kê giữa HS lớp các lớp 7,8, 9 với hành động xã hội theo xu hướng HS càng ở các lớp cao thì hành động xã hội trong giao tiếp càng tăng so với các lớp dưới. Trong khi đó, yếu tố tham gia công tác tập thể có tính dự báo rất thấp đối với sự tăng trưởng hành động xã hội trong giao tiếp ở HS. Có mối tương quan hồi quy tuyến tính, có tính dự báo tăng cường hành động xã hội của học trình trong giao tiếp, khi tăng cường đối với các mô hình tác động của phong cách dân chủ, hướng đến con người và hướng đến công việc của HS trong giao tiếp. Xu hướng hướng đến người khác và xu hướng hướng nội trong giao tiếp cũng là những mô hình có tính dự báo tác động thuận tới

hành động xã hội của HS.

### 3. Kết luận

Hành động xã hội trong giao tiếp của HS được biểu hiện qua nhận thức về người khác trong giao tiếp, nhận thức về bản thân, về người khác, về hoàn cảnh và các quy định xã hội trong giao tiếp, nhận thức về vai trò của quan hệ, của giao tiếp trong cuộc sống được xác định là một thành phần quan trọng trong NL trí tuệ xã hội của HS. Các kết quả nghiên cứu đã xác định được mức độ hành động xã hội của HS cũng như các biểu hiện của nó. Đồng thời xác định được các mô hình có tính dự báo tác động của các yếu tố thuộc về phong cách giao tiếp, xu hướng giao tiếp và khí chất của HS cũng như sự học tập giao tiếp từ người khác đến hành động xã hội của các em. Những mô hình tương quan có tính dự báo được phát hiện trong nghiên cứu là những gợi ý hữu ích cho các bậc cha mẹ và giáo viên và cho HS trong việc nâng cao chất lượng thiết lập các quan hệ xã hội tích cực trong giao tiếp của HS, thông qua việc nâng cao NL hành động xã hội cho các em. Nghiên cứu cũng khuyến cáo ở mức độ nhất định sự giảm thiểu phong cách độc đoán, tính khí nóng nảy hay ưu của HS, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hành động xã hội của HS.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Guilford, J.P, (1967), *Nature of human intelligence*, New York: McGraw – Hill.
- [2] Goleman D, (2006), *Social Intelligence: The New Science of Human Relationships*, Bantam.
- [3] Albrecht, K., (2006), *Social intelligence: the new science of success*, Jossey- Bass, AWiley Imprint.
- [4] Lisa Garr, (2018), *Trở nên thấu cảm*, NXB Hồng Đức.
- [5] Tony Buzan, (2002), *The power of social intelligence*, Harper Collins Publishers, Inc.
- [6] Thomas Armstrong, (2010), *Bảy loại trí thông minh*, NXB Lao động - Xã hội.
- [7] Lê Văn Hào, (02/2015), *Hành vi ủng hộ xã hội: sức mạnh của tình huống*, Tạp chí Tâm lý học, Số 2.
- [8] Nguyễn Văn Lược - Trương Quang Lâm, (10/2017), *Kỹ năng xã hội của trẻ vị thành niên nông thôn*, Tạp chí Tâm lý học, số 10, tr.24-35.
- [9] Nguyễn Tuấn Anh, (8/2017), *Mối quan hệ giữa đồng cảm và hành vi ủng hộ xã hội ở sinh viên*, Tạp chí Tâm lý học, số 8.
- [10] Đỗ Ngọc Khanh, (6/2017), *Thấu cảm và hành vi ủng hộ xã hội ở thanh niên*, Tạp chí Tâm lý học, số 6, tr.36 - 48.

## SOCIAL BEHAVIOR IN COMMUNICATION OF SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN VIETNAM

### Phan Trọng Ngo

Hanoi National University of Education  
136 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam  
Email: ngotamly@gmail.com

**ABSTRACT:** *The article deals with social behavior in students' communication and behavior which play as parts of their social intelligence. The study has identified the level of social behavior of 1128 students in grades 6 to 9 of 10 secondary schools in 5 provinces and cities in Vietnam. It also identifies predictive models of the impact of students' communication styles, communication trends and tempers as well as the communication learning from others to their social behavior. The predictive models discovered in the study are useful suggestions for parents, teachers, and students in promoting social intelligence through enhancing social behavior in establishing positive social behavior, communication and reactions of students.*

**KEYWORDS:** *Social intelligence; social behavior; communication; communication style; communication trends; tempers; secondary school students.*